

Số: 184-1/QĐ-UBND

Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 30 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình:
Sửa chữa Trụ sở làm việc UBND các phường Thanh Sơn, Mỹ Đông, Phước
Mỹ, Bảo An và Đô Vinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Báo cáo số 86/BC-TCKH ngày 16/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa Trụ sở làm việc UBND các phường Thanh Sơn, Mỹ Đông, Phước Mỹ, Bảo An và Đô Vinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

3. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên đất hiện hữu của Trụ sở UBND các phường Thanh Sơn, Mỹ Đông, Phước Mỹ, Bảo An và Đô Vinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.



4. Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Từ ngày 27/3/2023 đến ngày 26/9/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

(Đơn vị tính: đồng)

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		7.000.000.000	6.838.729.559
1	Chi phí xây dựng	6.165.313.249	6.053.216.645
2	Chi phí quản lý dự án	188.667.236	188.667.236
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	551.392.317	547.795.266
4	Chi phí khác	49.859.412	49.050.412
5	Chi phí dự phòng	44.767.786	0

2. Nguồn vốn đầu tư:

(Đơn vị tính: đồng)

Số TT	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6 = 4-5	7=5-4
	Tổng số	7.000.000.000	6.838.729.559	6.550.000.000	288.729.559	0
1	Nguồn vốn thu, tăng thu sử dụng đất thành phố và nguồn cân đối ngân sách địa phương theo phân cấp	7.000.000.000	6.838.729.559	6.550.000.000	288.729.559	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

(Đơn vị tính: đồng)

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi

Tổng số		/	/	6.838.729.559	/
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	/	/	6.838.729.559	/
2	Tài sản ngắn hạn	/	/	/	/

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

5. Vật tư thiết bị tổn động: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

(Đơn vị tính: đồng)

Số TT	Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		6.838.729.559	
1	Nguồn vốn thu, tăng thu sử dụng đất thành phố và nguồn cân đối ngân sách địa phương theo phân cấp	6.838.729.559	

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 17/01/2024 là:

- Tổng nợ phải thu: **Không.**

- Tổng nợ phải trả: **288.729.559 đồng.**

(Có bảng chi tiết tình hình thanh toán và công nợ kèm theo Quyết định này).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản như sau:

(Đơn vị tính: đồng)

Số TT	Đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Tổng số		6.838.729.559	
1	UBND phường Thanh Sơn	2.289.656.697	
2	UBND phường Mỹ Đông	2.394.519.363	
3	UBND phường Phước Mỹ	131.837.237	
4	UBND phường Bảo An	1.720.702.721	
5	UBND phường Đô Vinh	302.013.541	

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan: Kho bạc Nhà nước tỉnh phối hợp Chủ đầu tư thanh toán các khoản theo giá trị quyết toán được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố, Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố, Chủ tịch

UBND phường Thanh Sơn, Chủ tịch UBND phường Mỹ Đông, Chủ tịch UBND phường Phước Mỹ, Chủ tịch UBND phường Bảo An, Chủ tịch UBND phường Đô Vinh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch UBND TP;
- KBNN tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: VT.TN10b



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phú

BẢNG TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ

Công trình: Sửa chữa Trụ sở làm việc UBND các phường Thanh Sơn, Mỹ Đông, Phước Mỹ, Bảo An và Đô Vinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

(Kèm theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 30/4/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm)

ĐVT: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	GIÁ TRỊ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN	ĐÃ THANH TOÁN, TẠM ỨNG	CÔNG NỢ ĐẾN NGÀY 17/01/2024	
					PHẢI TRẢ	PHẢI THU
A	B	C	1	2	3 = 1-2	4 = 2-1
1	Liên danh Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Vạn Gia và Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Hải Vân	Chi phí xây dựng	6.053.216.645	5.838.689.535	214.527.110	
1.1	Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Vạn Gia		3.933.737.531	3.918.017.535	15.719.996	
1.2	Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Hải Vân		2.119.479.114	1.920.672.000	198.807.114	
2	Công ty TNHH TV XD An Lộc Ninh Thuận	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	290.824.577	261.742.119	29.082.458	
3	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại V&T	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC-DT	36.712.914	33.041.623	3.671.291	
		Chi phí giám sát thi công	194.240.749	191.483.535	2.757.214	
4	Công ty TNHH Đồng Lợi Ninh Thuận	Chi phí lập HSMT&PTĐGHSDT xây dựng	26.017.026	23.126.540	2.890.486	
5	Công ty TNHH XD ATT Ninh Thuận	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình	6.022.460	6.022.460	0	
6	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Chi phí quản lý dự án	188.667.236	188.667.236	0	
7	Phòng Quản lý đô thị	Lệ phí thẩm định BCKTKT	1.330.000	0	1.330.000	
8	Công ty Bảo Minh Ninh Thuận	Chi phí bảo hiểm công trình	7.226.952	7.226.952	0	
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	34.471.000	0	34.471.000	
	Tổng cộng		6.838.729.559	6.550.000.000	288.729.559	-

Chữ